TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **43**/2022/DS-ST
Ngày: 27 - 4 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tăng Thị Bạch Vân.

Ông Nguyễn Văn Ngoãn.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thanh Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Ông Dương Thanh Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 02 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2022/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa dân sự sơ thẩm số: 60/2022/QĐST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng S. Địa chỉ: thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng S:

- Bà S1, chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng S. (Là người đại diện theo pháp luật) (vắng mặt)

- Bà S2, chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm Thẻ Ngân hàng S. (Là người đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền số 1159/2020/GUQ-PL ngày 05/5/2020 của Tổng Giám đốc Ngân hàng S) (vắng mặt)

- Ông S3, chức vụ: Chuyên viên Ngân hàng S. Địa chỉ: thành phố Hồ Chí Minh. (Là người đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền số 16/2022/UQ-TTT ngày 16/02/2022 của Phó Giám đốc Trung tâm Thẻ Ngân hàng S) (vắng mặt, có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông L. Địa chỉ ĐKHKTT: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/6/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng S do ông S3 là người đại diện hợp pháp trình bày:* Vào ngày 16/12/2015, ông L có ký với Ngân hàng S hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông L, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 25.000.000đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn là 2,6%/tháng, lãi suất quá hạn là 3,9%/tháng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 269.384.405đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông L đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 251.836.590đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông L vẫn không thiện chí trả nợ. Do ông L vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 01/01/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Tính đến ngày 10/5/2021, ông L còn nợ Ngân hàng nợ gốc 28.256.534đồng, lãi quá hạn 4.775.290đồng, tổng cộng 33.031.824đồng. Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu ông L có trách nhiệm thanh toán, nhưng ông L vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại hợp đồng đã ký.

Theo đơn khởi kiện, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông L phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 10/5/2021 là 33.031.824đồng (trong đó nợ gốc 28.256.534đồng, lãi quá hạn 4.775.290đồng); Ông L có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 11/5/2021 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, theo văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và Bản tóm tắt sao kê gửi cho Tòa án, ông S3 là người đại diện hợp pháp của Ngân hàng xác định tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 27/4/2022 yêu cầu ông L phải trả nợ ngay cho Ngân hàng bao gồm nợ gốc là 28.256.534đồng, nợ lãi là 17.705.306đồng, tổng cộng là 45.961.840đồng; Ông L có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 28/4/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng. Do không có điều kiện để đến tham gia tố tụng tại Tòa án được nên ông S3 đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm cũng như trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

** Bị đơn ông L:* Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông L nhưng ông L không có mặt tham gia tố tụng theo các giấy triệu tập của Tòa án và cũng không có ý kiến trình bày hay yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông S3 là người đại diện hợp pháp của Ngân hàng vắng mặt nhưng trong văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt thì ông S3 vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, theo phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo nội dung yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn Ngân hàng S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông L trả nợ vay cho Ngân hàng S theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng mà hai bên đã ký kết; TAND huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Căn cứ kết quả trả lời xác minh của Công an xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng xác định bị đơn ông L có địa chỉ đăng ký thường trú tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; TAND huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng S là ông S3 vắng mặt nhưng có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn ông L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do và không thuộc trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, việc vắng mặt cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử; Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[4] Về nội dung vụ án: Vào ngày 16/12/2015, ông L có ký với Ngân hàng S hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Căn cứ thu nhập của ông L, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 25.000.000đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn là 2,6%/tháng, lãi suất quá hạn là 3,9%/tháng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 269.384.405đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông L đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 251.836.590đồng. Như vậy, có cơ sở khẳng định giữa ông L và Ngân hàng có xác lập và thực hiện hợp đồng sử dụng thẻ

tín dụng. Tuy nhiên, trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng ông L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng, dù đã được Ngân hàng làm việc, nhắc nhở nhiều lần nhưng ông L vẫn không thiện chí trả nợ, từ đó vào ngày 01/01/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 27/4/2022, ông L còn nợ Ngân hàng nợ gốc là 28.256.534đồng, nợ lãi là 17.705.306đồng, tổng cộng là 45.961.840đồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông L nhưng ông L không có mặt tham gia tố tụng theo các giấy triệu tập của Tòa án và cũng không có ý kiến trình bày hay yêu cầu gì được xem là đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình; các tài liệu, chứng cứ Ngân hàng xuất trình về hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Từ đó, việc Ngân hàng yêu cầu buộc ông L trả lại toàn bộ số tiền nợ vay 45.961.840đồng nêu trên là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 95 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Kể từ ngày 28/4/2022 (ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm) cho đến khi thi hành án xong, ông L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng; trường hợp trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà ông L phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng (điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 và Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao).

[6] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông L phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền nợ vay 45.961.840đồng.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Ngân hàng không phải chịu án phí sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp; ông L phải chịu án phí sơ thẩm tương ứng trên số tiền nợ vay phải trả cho Ngân hàng là 45.961.840đồng x 5% = 2.298.092đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 280, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 90, 91, 95 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S về hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

Buộc ông L phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng S số tiền nợ vay tổng cộng là 45.961.840đồng (*Bốn mươi lăm triệu chín trăm sáu mươi mốt nghìn tám trăm bốn mươi đồng*), bao gồm: Nợ gốc là 28.256.534đồng; Nợ lãi là 17.705.306đồng.

Kể từ ngày 28/4/2022 cho đến khi thi hành án xong, ông L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Trường hợp trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng S thì lãi suất mà ông L phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng S cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng S.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Ngân hàng S không phải chịu án phí sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà Ngân hàng S đã nộp (do bà S4 là người nộp thay) là 825.796đồng (*Tám trăm hai mươi lăm nghìn bảy trăm chín mươi sáu đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0013557, ngày 22 tháng 10 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông L phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền là 2.298.092đồng (*Hai triệu hai trăm chín mươi tám nghìn không trăm chín mươi hai đồng*).

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng S và ông L không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án

dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự (02);
- VKSND huyện Kế Sách (01);
- Chi cục THADS huyện Kế Sách (01);
- Chi cục THADS quận 7, TP. HCM (01);
- TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- Lưu HSVA, Văn phòng (02).

Nguyễn Quốc Việt